

BẢN TIN TUẦN

**“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”**

(Tuần 24: 15/11/2023 đến 21/11/2023)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần 24 từ ngày 15/11/2023 đến ngày 21/11/2023

1. Vị trí giám sát

Thực hiện quan trắc chất lượng nước tại 23 vị trí khảo sát chất lượng nước theo đề cương được duyệt, bao gồm 10 vị trí trên trục chính sông Nhuệ cùng 13 vị trí là các kênh trục chính, kênh tiêu và các điểm xả ô nhiễm nghiêm trọng vào hệ thống. Mô tả tổng quan 23 vị trí quan trắc như sau:

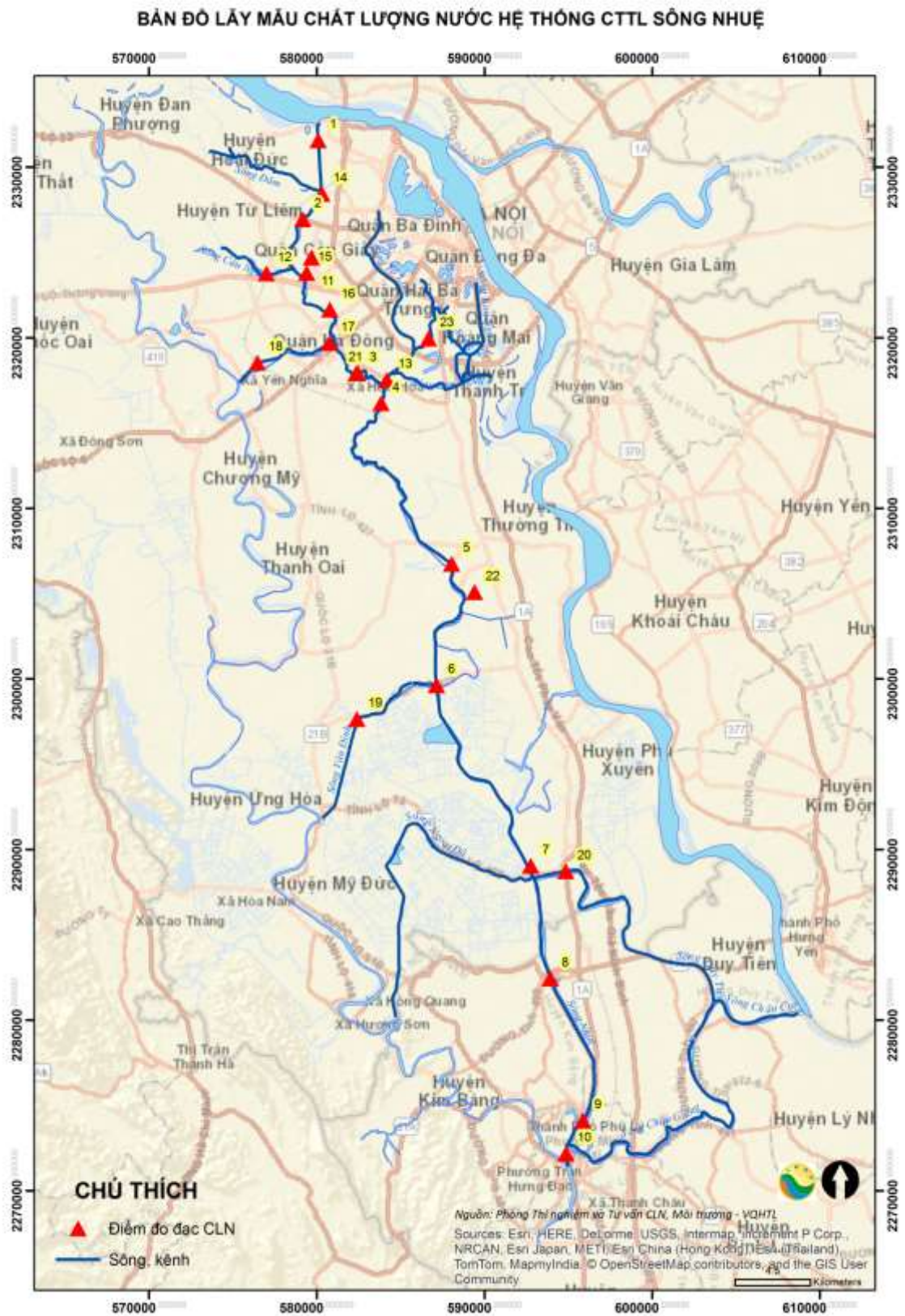
Bảng 1: MÔ TẢ TỔNG QUAN 23 VỊ TRÍ QUAN TRẮC

TT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	MÔ TẢ
I	Trục chính sông Nhuệ	
1	Cống Liên Mạc	Là vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ, nằm ở quận Bắc Từ Liêm. Gồm 2 cống điều tiết Liên Mạc 1, và Liên Mạc 2. Cống Liên Mạc 1 thường mở thông, Liên Mạc 2 vận hành đóng mở theo mực nước ngoài sông Hồng để lấy nước vào trong hệ thống.
2	Cầu Diễn	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm giao cắt của QL32 qua sông Nhuệ phân chia ranh giới 2 quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm. Dòng chính sông Nhuệ tại vị trí này đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La vào.
3	Đập Hà Đông	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập, nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc khu vực quận Hà Đông. Tại vị trí này dòng chính sông Nhuệ đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.
4	Cầu Tó	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Dòng chính sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.

5	Cầu Xém	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thường Tín. Dòng chính sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.
6	Đập Đồng Quan	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu Đập thuộc địa phận huyện Phú Xuyên. Dòng chính sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.
7	Cầu Thần	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm ngăn cách giữa 2 huyện Phú Xuyên và Ứng Hòa. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.
8	Đập Nhật Tựu	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
9	Cống Lương Cỗ	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
10	Cầu Phù Vân	Là điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.
II Điểm ô nhiễm nghiêm trọng, kênh trục chính và kênh tiêu		
11	Sông Đăm	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Vị trí đo đạc nằm ở hạ lưu sông Đăm, trước khi nhập vào sông Nhuệ, tại vị trí này sẽ khống chế toàn bộ lượng nước thải từ các hoạt động nông nghiệp, sản xuất của khu vực huyện Đan Phượng và một phần quận Bắc Từ Liêm.
12	Sông Cầu Ngà	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Nam Từ Liêm. Một phần diện tích tưới của huyện Hoài Đức lấy nước từ sông Cầu Ngà tuy nhiên hiện nay chất lượng nước sông bị ô nhiễm nặng nề, không đủ điều kiện cấp nước cho tưới.
13	Đập Thanh Liệt	Vị trí lấy mẫu nằm ở thượng lưu đập, khống chế toàn bộ nước thải từ nội thành Hà Nội qua sông Tô Lịch đổ vào sông Nhuệ. Những năm gần đây đập Thanh Liệt thường mở vào mùa mưa để tiêu nước từ nội thành ra sông Nhuệ, mùa khô đập Thanh Liệt thường đóng, nước sông Tô Lịch đưa về NMN Yên Sở để xử lý.
14	Kênh Xuân La	Vị trí lấy mẫu ở hạ lưu kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Kênh Xuân La bị ô nhiễm nặng do tiếp nhận toàn bộ nước thải từ quận Tây Hồ, Bắc Từ Liêm và 1 phần quận Cầu Giấy.
15	Kênh Phú Đô	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.

16	Kênh tiêu Trung Vãn	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Vãn, Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.
17	Cầu Am	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, khống chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.
18	Kênh La Khê	Vị trí đo đạc tại cầu La Khê trên kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn sau khi đã tiếp nhận nước thải sinh hoạt, nước thải nông nghiệp và nước thải một số làng nghề trong đó có nước thải dệt nhuộm từ làng nghề lụa Vạn Phúc.
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy. Các huyện Thanh Oai, Ứng Hòa lấy nước từ kênh Vân Đình để tưới. Vị trí lấy mẫu tại cầu Bàu trên kênh Vân Đình chịu ảnh hưởng của nước thải làng nghề mây tre đan quanh khu vực.
20	Kênh Duy Tiên	Vị trí đo đạc tại cầu Giẽ trên kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.
21	Kênh Yên Xá	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ. Nước thải từ quận Thanh Xuân, một phần huyện Thanh Trì và các bệnh viện lớn như bệnh viện 103, Viện Bỏng Quốc Gia, Viện K Tân Triều đổ vào kênh Yên Xá.
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Là một nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.
23	Kênh Hòa Bình	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ, do kênh Hòa Bình chịu ảnh hưởng của chất lượng nước sông Tô Lịch và nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi của các khu dân cư xung quanh hai bên bờ kênh, đặc biệt là nước thải từ khu nghĩa trang Văn Điển.

Hình 1: BẢN ĐỒ LẤY MẪU CLN HỆ THỐNG CTTL SÔNG NHUỆ NĂM 2023



2. Thông tin lúc lấy mẫu

Bảng 2: TỔNG HỢP THÔNG TIN QUAN TRẮC

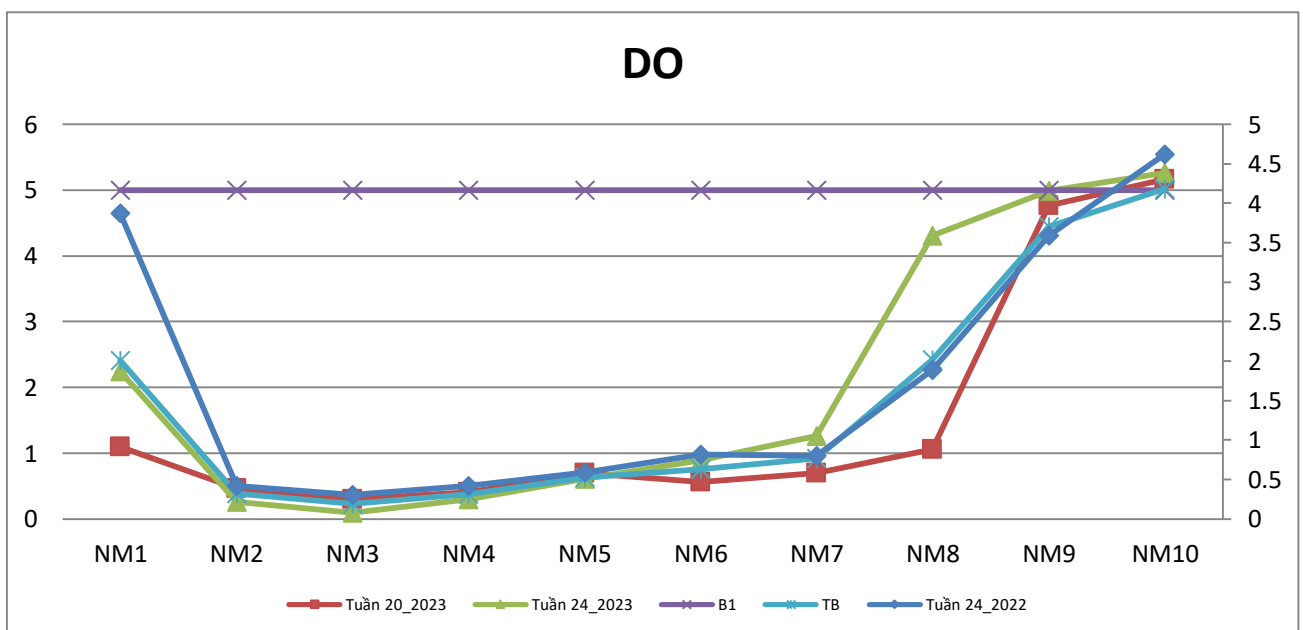
STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
1	NM1	Cống Liên Mạc	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió Đông 9 km/h. Dòng chảy chậm, chảy ngược. Nước màu xanh xám.	Cống Liên Mạc 1 và 2 mở thông. Nước chảy ngược ra sông Hồng.	Trong tuần từ 15/11/2023 đến 21/11/2023 trong HTCTTL Sông Nhuệ không lấy nước; một số diện tích bắt đầu trồng rau màu vụ đông sử dụng nước sẵn có.
2	NM 2	Cầu Diễn	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 100%, gió ĐN 4 km/h. Dưới sông có nhiều rác thải. Nước màu đen đặc, mùi hôi thối.	Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Mực nước thấp.	
3	NM 3	Đập Hà Đông	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 99%, gió ĐN 4 km/h. Nước màu đen, đặc, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp, đập mở.	
4	NM 4	Cầu Tó	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 100%, gió Bắc 4 km/h. Trên sông có nhiều rác. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Mực nước thấp. Dòng chảy chậm về hạ lưu.	
5	NM 5	Cầu Xém	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 95%, gió ĐB 4 km/h. Trên sông có nhiều rác thải. Nước màu đen.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp.	
6	NM 6	Đập Đồng Quan	Trời lạnh, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 92%, gió TB 5 km/h. Mực nước trung bình. Nước màu đen.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở thông.	
7	NM 7	Cầu Thần	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 92%, gió BTB 6 km/h. Nước màu xanh đen.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình.	
8	NM 8	Đập Nhật Tựu	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 93%, gió BTB 6 km/h. Nước màu nâu đục.	Cống mở hé 5 cánh. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình.	
9	NM 9	Cống Lương Cổ	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 100%, gió BTB 7 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Cổng mở thông. Mực nước trung bình.	
10	NM 10	Cầu Phù Vân	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 100%, gió BTB 7 km/h. Nước màu	Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy, mực nước trung bình.	

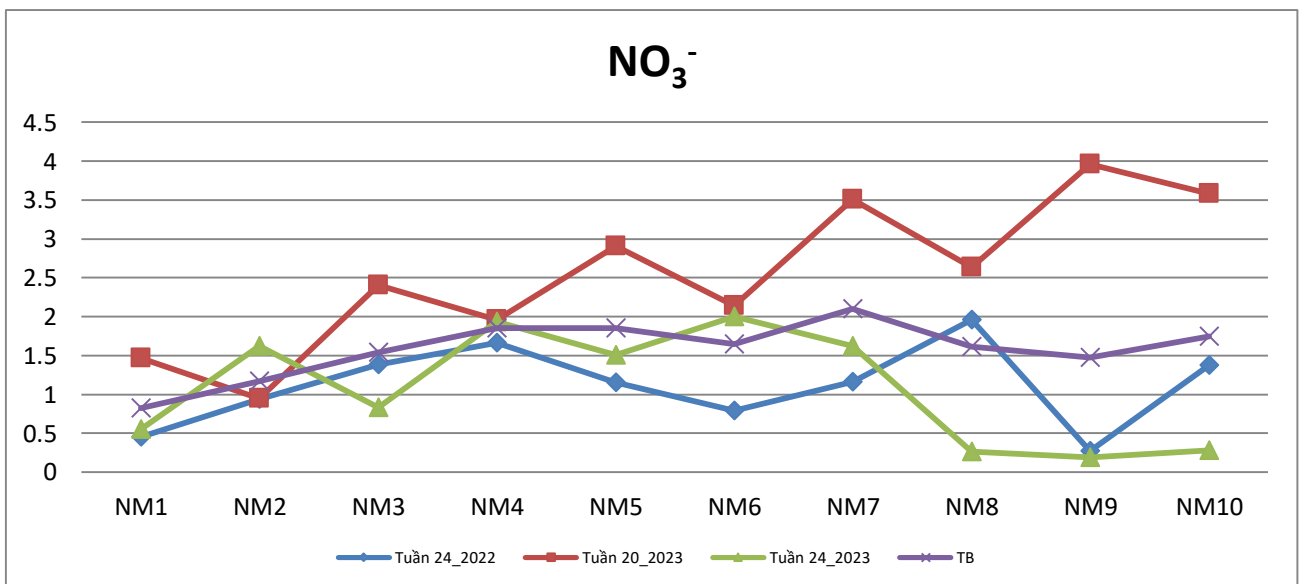
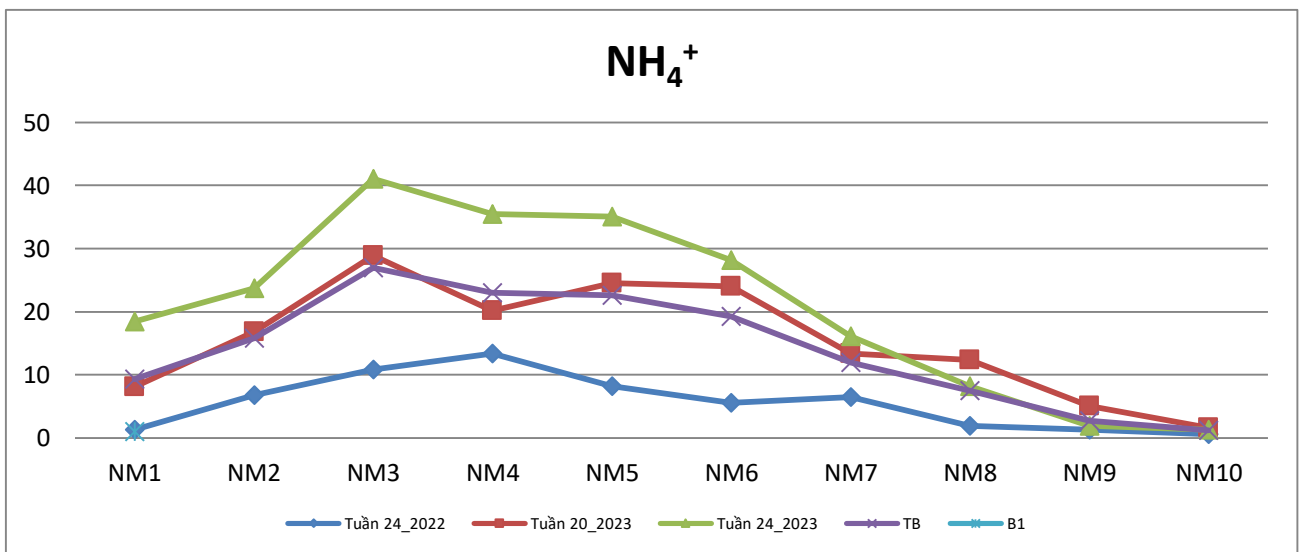
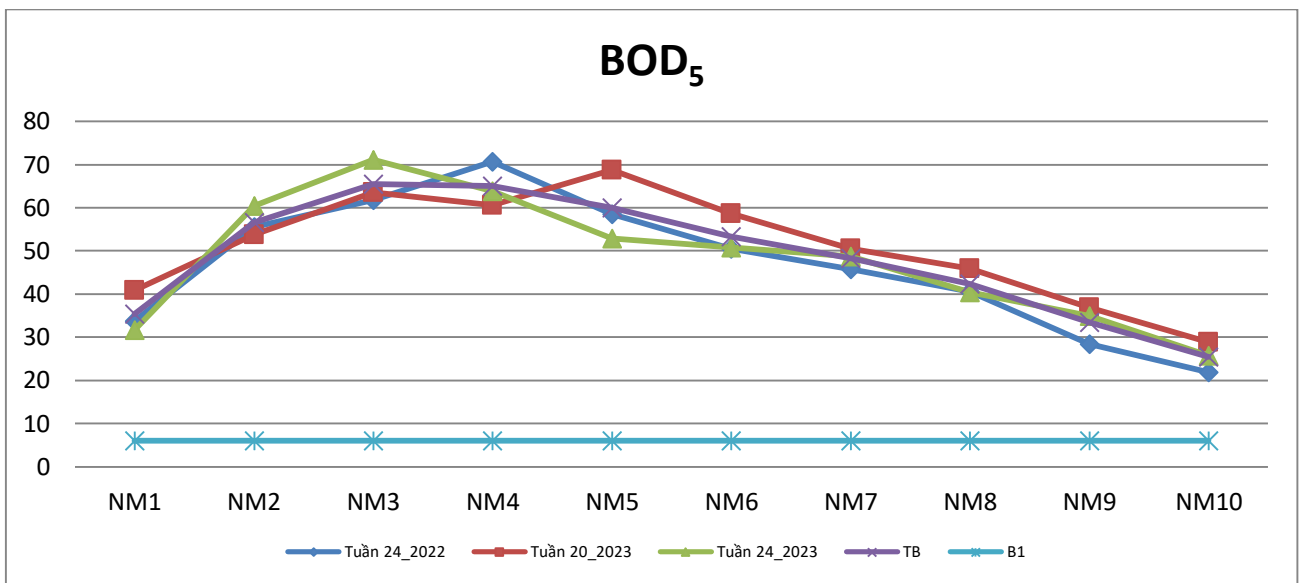
STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
			xanh lục.	Cổng Phủ Lý mở tiêu nước từ sông Châu Giang ra sông Nhuệ.	
11	NM 11	Sông Đăm	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 100%, gió ĐN 4 km/h. Nước màu xanh lục, phân biệt 2 màu xanh lục và đen khi nhập lưu sông Nhuệ.	Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Ngoài sông Nhuệ nước chảy ngược.	
12	NM 12	Sông Cầu Ngà	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 100%, gió ĐN 4 km/h. Mực nước thấp.	Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ. Nước màu nâu đen.	
13	NM 13	Đập Thanh Liệt	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 100%, gió Bắc 4 km/h. Mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Đập mở, dòng chảy chậm ra sông Nhuệ.	
14	NM 14	Kênh Xuân La	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 100%, gió ĐN 6 km/h. Nước màu vàng xanh, mùi hôi thối. Ngoài sông Nhuệ nước chảy ngược.	Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Mực nước trung bình. Cổng mở tiêu nước ra sông Nhuệ.	
15	NM 15	Kênh Phú Đô	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 100%, gió ĐN 6 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cổng mở tiêu nước ra sông Nhuệ, mực nước thấp.	
16	NM 16	Kênh tiêu Trung Văn	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 100%, gió ĐN 6 km/h. Nước màu đen.	Cổng mở hé, dòng chảy chậm. Mực nước thấp.	
17	NM 17	Cầu Am	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 99%, gió ĐN 4 km/h. Nước màu đen. Dưới kênh có nhiều rác.	Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Dưới hạ lưu kênh đang tiếp tục kè 2 bên bờ.	
18	NM 18	Kênh La Khê	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 99%, gió ĐN 4 km/h. Nước màu đen đặc.	Không có dòng chảy. Mực nước trung bình.	
19	NM 19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời lạnh, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 93%, gió BDB 6 km/h. Hai bên kênh có nhiều rác. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy chậm về hướng sông Đáy. Mực nước thấp.	

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
20	NM 20	Kênh Duy Tiên	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 92%, gió BTB 6 km/h. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình.	
21	NM 21	Kênh Yên Xá	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 99%, gió ĐN 4 km/h. Nước màu xám đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cống mở. Mực nước thấp.	
22	NM 22	Sông Tô Lịch tại Khánh Hà	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 95%, gió ĐB 4 km/h. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp.	
23	NM 23	Kênh Hòa Bình	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 95%, gió Bắc 4 km/h. Nước màu xanh, bị tù đọng, phú dưỡng.	Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước trung bình.	

3. Kết quả đo đạc

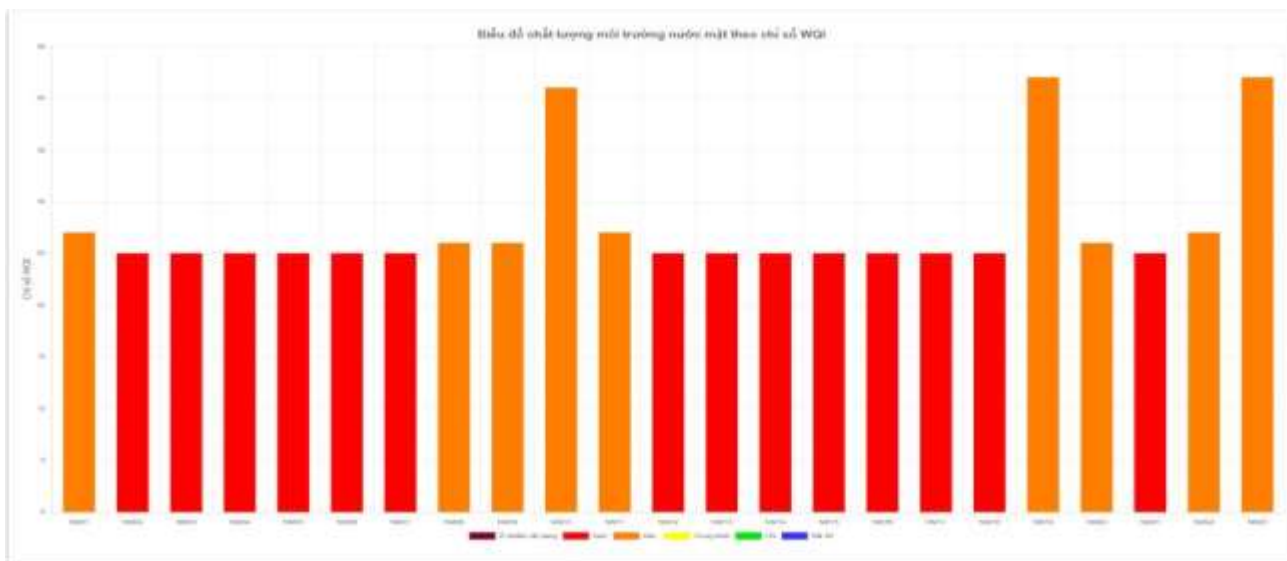
Giá trị các thông số DO, BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻ giữa Tuần 24 năm 2023 so sánh với đợt trước (Tuần 20 năm 2023) và cùng kỳ năm trước (Tuần 24 năm 2022) cho thấy: Hàm lượng DO Tuần 24 năm 2023 tại Liên Mạc cao hơn tuần trước nhưng thấp hơn cùng kỳ năm trước. Từ Cầu Diễn tới Đồng Quan hàm lượng DO tương đương cùng kỳ năm trước và tuần trước. Đoạn hạ lưu hàm lượng DO cao hơn. Hàm lượng BOD₅ ngược lại với hàm lượng DO. Hàm lượng NH₄⁺ cao hơn đợt trước và cùng kỳ năm trước, hàm lượng NO₃⁻ cao hơn đợt trước nhưng thấp hơn cùng kỳ năm trước.





4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Kết quả tính toán WQI Tuần 24 năm 2023 tại 23 vị trí khảo sát trong HTCTTL Sông Nhuệ dao động trong khoảng 25 ÷ 42 cho thấy có 14 vị trí chất lượng nước thuộc loại V (kém) – nước bị ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai và không đủ tiêu chuẩn cấp nước cho tưới. Có 9 vị trí nước thuộc loại IV (xấu) – nước phục vụ giao thông thủy. Không có vị trí nào CLN màu vàng – nước sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

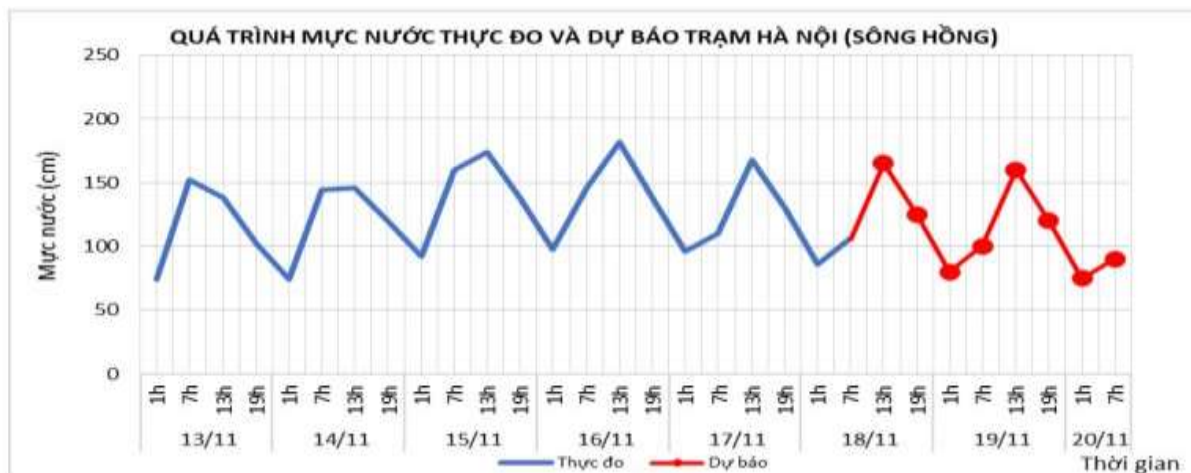


II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 15/11/2023 đến ngày 21/11/2023

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

- Diễn biến tình hình thủy văn đã qua: Mực nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Lúc 7h ngày 18/11, mực nước tại trạm Hà Nội là 1,06m.

- Dự báo, cảnh báo: Mực nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Đến 7h ngày 20/11 mực nước tại trạm Hà Nội có khả năng ở mức 0,90m.



2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Kết quả dự báo cho thấy hàm lượng DO có xu thế tăng từ Liên Mạc tới Nhật Tựu rồi giảm về hạ lưu. Tại các kênh ô nhiễm hàm lượng DO giảm; một số kênh tưới tiêu trực chính có xu thế tăng. Hàm lượng BOD₅ ngược lại với hàm lượng DO. Hàm lượng các chất ô nhiễm nhóm N có xu thế tăng trên toàn hệ thống.

Bảng 3: SỐ LIỆU DỰ BÁO CLN TUẦN 24 NĂM 2023 HTCTTL SÔNG NHUỆ

Vị trí	Thực đo	DO							B-QCVN 08-2023	Đánh giá
		Tuần dự báo								
		15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11		
Cống Liên Mạc	1.1	0.99	1.06	1.13	1.19	1.25	1.30	1.36	5	G-T
Cầu Diễn	0.47	2.37	2.38	2.38	2.38	2.38	2.38	2.38	5	T
Đập Hà Đông	0.3	1.53	1.53	1.53	1.53	1.53	1.53	1.53	5	T
Cầu Tó	0.41	1.18	1.19	1.19	1.19	1.19	1.19	1.19	5	T
Cầu Xém	0.7	1.02	1.17	1.17	1.18	1.18	1.18	1.18	5	T
Đập Đồng Quan	0.56	2.00	1.98	1.90	1.85	1.85	1.84	1.83	5	T
Cầu Thần	0.7	0.93	1.45	1.46	1.51	1.54	1.55	1.55	5	T
Đập Nhật Tựu	1.06	3.00	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	4.31	5	T
Cống Lương Cổ	4.76	2.00	3.73	3.73	3.73	3.73	3.73	3.73	5	G
Cầu Phù Vân	5.16	2.00	3.94	3.94	3.94	3.94	3.94	3.94	5	G
Sông Đám	4.1	3.16	3.16	3.16	3.16	3.16	3.16	3.16	5	G
Sông Cầu Ngà	1.79	1.79	1.79	1.79	1.79	1.79	1.79	1.79	5	=
Đập Thanh Liệt	0.23	1.02	1.02	1.02	1.02	1.02	1.02	1.02	5	T
Kênh Xuân La	1.6	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59	5	G
Kênh Phú Đô	0.71	0.82	0.82	0.82	0.82	0.82	0.82	0.82	5	T
Kênh Trung Văn	0.42	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	5	T
Cầu Am	1.36	0.52	0.52	0.52	0.52	0.52	0.52	0.52	5	G
Kênh La Khê	1.03	0.42	0.42	0.42	0.42	0.42	0.42	0.42	5	G
Kênh Vân Đình	4.16	5.61	5.61	5.61	5.61	5.61	5.61	5.61	5	T
Kênh Duy Tiên	0.92	4.91	4.91	4.91	4.91	4.91	4.91	4.91	5	T
Kênh Yên Xá	0.7	0.79	0.79	0.79	0.79	0.79	0.79	0.79	5	T
Sông Tô Lịch	4.91	5.12	5.12	5.12	5.12	5.12	5.12	5.12	5	T
Kênh Hòa Bình	4.59	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5	T
BOD ₅									B-QCVN 08-2023	Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11		
Cống Liên Mạc	40.8	48.13	48.69	49.21	49.69	50.15	50.58	50.98	≤ 6	T
Cầu Diễn	53.7	41.98	41.76	41.72	41.73	41.73	41.73	41.73	≤ 6	G
Đập Hà Đông	63.5	57.47	57.38	57.34	57.34	57.34	57.34	57.34	≤ 6	G
Cầu Tó	60.6	62.49	62.45	62.41	62.41	62.41	62.41	62.41	≤ 6	T
Cầu Xém	68.7	64.08	62.60	62.58	62.56	62.57	62.58	62.60	≤ 6	G
Cầu Thần	58.6	59.03	57.79	56.45	56.40	56.30	56.15	56.10	≤ 6	T-G
Đập Đồng Quan	50.5	62.31	63.24	63.39	64.14	64.57	64.57	64.54	≤ 6	T

Đập Nhật Tựu	45.9	49.33	49.33	49.33	49.33	49.33	49.33	49.33	≤ 6	T
Cống Lương Cổ	36.9	52.53	52.53	52.54	52.54	52.54	52.54	52.54	≤ 6	T
Cầu Phù Vân	28.8	51.05	51.05	51.05	51.05	51.05	51.05	51.05	≤ 6	T
Sông Đăm	21.6	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	≤ 6	T
Sông Cầu Ngà	42.9	50.90	50.90	50.90	50.90	50.90	50.90	50.90	≤ 6	T
Đập Thanh Liệt	66.8	67.40	67.40	67.40	67.40	67.40	67.40	67.40	≤ 6	T
Kênh Xuân La	60.7	63.80	63.80	63.80	63.80	63.80	63.80	63.80	≤ 6	T
Kênh Phú Đô	58.7	67.80	67.80	67.80	67.80	67.80	67.80	67.80	≤ 6	T
Kênh Trung Văn	53.7	60.90	60.90	60.90	60.90	60.90	60.90	60.90	≤ 6	T
Cầu Am	62.9	55.80	55.80	55.80	55.80	55.80	55.80	55.80	≤ 6	G
Kênh La Khê	56.9	71.80	71.80	71.80	71.80	71.80	71.80	71.80	≤ 6	T
Kênh Vân Đình	26.8	22.80	22.80	22.80	22.80	22.80	22.80	22.80	≤ 6	G
Kênh Duy Tiên	57.3	48.80	48.80	48.80	48.80	48.80	48.80	48.80	≤ 6	G
Kênh Yên Xá	63.8	60.50	60.50	60.50	60.50	60.50	60.50	60.50	≤ 6	G
Sông Tô Lịch	24.4	25.30	25.30	25.30	25.30	25.30	25.30	25.30	≤ 6	T
Kênh Hòa Bình	25.8	25.80	25.80	25.80	25.80	25.80	25.80	25.80	≤ 6	=

NH4+									
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							Đánh giá
		15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	
Cống Liên Mạc	8.081	8.2	9.54	10.79	11.97	13.08	14.12	15.09	T
Cầu Diễn	16.861	20.59	20.41	20.31	20.31	20.31	20.31	20.31	T
Đập Hà Đông	28.904	30.7	30.66	30.6	30.59	30.59	30.59	30.59	T
Cầu Tó	20.124	35.13	35.14	35.1	35.09	35.09	35.09	35.09	T
Cầu Xém	24.476	34.63	34.91	34.94	34.94	34.97	35.01	35.05	T
Đập Đồng Quan	24.009	32.08	33.92	31.53	30.82	30.6	30.17	30.03	T
Cầu Thần	13.364	21.64	28.7	29.17	31.32	32.57	32.62	32.55	T
Đập Nhật Tựu	12.354	10.64	10.64	10.64	10.64	10.64	10.64	10.64	G
Cống Lương Cổ	5.051	15.25	15.25	15.25	15.25	15.25	15.25	15.25	T
Cầu Phù Vân	1.632	13.36	13.36	13.36	13.36	13.36	13.36	13.36	T
Sông Đăm	1.01	11.61	11.61	11.61	11.61	11.61	11.61	11.61	T
Sông Cầu Ngà	10.645	26.1	26.1	26.1	26.1	26.1	26.1	26.1	T
Đập Thanh Liệt	27.817	36.7	36.7	36.7	36.7	36.7	36.7	36.7	T
Kênh Xuân La	13.598	40.7	40.7	40.7	40.7	40.7	40.7	40.7	T
Kênh Phú Đô	21.678	39.5	39.5	39.5	39.5	39.5	39.5	39.5	T
Kênh Trung Văn	25.408	53.9	53.9	53.9	53.9	53.9	53.9	53.9	T
Cầu Am	21.445	42.5	42.5	42.5	42.5	42.5	42.5	42.5	T
Kênh La Khê	16.706	58.9	58.9	58.9	58.9	58.9	58.9	58.9	T
Kênh Vân Đình	10.8	1.63	1.63	1.63	1.63	1.63	1.63	1.63	G
Kênh Duy Tiên	12.354	2.87	2.87	2.87	2.87	2.87	2.87	2.87	G
Kênh Yên Xá	19.969	32.9	32.9	32.9	32.9	32.9	32.9	32.9	T
Sông Tô Lịch	0.614	0.97	0.97	0.97	0.97	0.97	0.97	0.97	T
Kênh Hòa Bình	0.847	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	T

NO ₃ ⁻									
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							Đánh giá
		15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	
Cổng Liên Mạc	1.463	4.09	4.2	4.3	4.39	4.48	4.56	4.64	T
Cầu Diễn	0.945	10.66	10.66	10.65	10.65	10.65	10.65	10.65	T
Đập Hà Đông	2.408	8.45	8.46	8.46	8.46	8.46	8.46	8.46	T
Cầu Tó	1.958	7.47	7.48	7.48	7.48	7.48	7.48	7.48	T
Cầu Xém	2.903	6.86	7.45	7.45	7.45	7.44	7.44	7.45	T
Đập Đồng Quan	2.138	5.06	7.08	6.78	6.66	6.64	6.6	6.59	T
Cầu Thần	3.51	4.56	5.82	5.82	6.04	6.15	6.15	6.14	T
Đập Nhật Tựu	2.633	1.17	1.17	1.17	1.17	1.17	1.17	1.17	G
Cổng Lương Cổ	3.96	2.22	2.22	2.22	2.22	2.22	2.22	2.22	G
Cầu Phù Vân	3.578	2.09	2.09	2.09	2.09	2.09	2.09	2.09	G
Sông Đăm	2.858	12.6	12.6	12.6	12.6	12.6	12.6	12.6	T
Sông Cầu Ngà	1.845	10.5	10.5	10.5	10.5	10.5	10.5	10.5	T
Đập Thanh Liệt	2.408	7.1	7.1	7.1	7.1	7.1	7.1	7.1	T
Kênh Xuân La	1.823	8.6	8.6	8.6	8.6	8.6	8.6	8.6	T
Kênh Phú Đô	2.003	5.2	5.2	5.2	5.2	5.2	5.2	5.2	T
Kênh Trung Văn	3.083	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7	T
Cầu Am	2.318	6.1	6.1	6.1	6.1	6.1	6.1	6.1	T
Kênh La Khê	1.373	4.9	4.9	4.9	4.9	4.9	4.9	4.9	T
Kênh Vân Đình	7.11	1.14	1.14	1.14	1.14	1.14	1.14	1.14	G
Kênh Duy Tiên	2.633	11.5	11.5	11.5	11.5	11.5	11.5	11.5	T
Kênh Yên Xá	7.11	10.5	10.5	10.5	10.5	10.5	10.5	10.5	T
Sông Tô Lịch	2.835	10.6	10.6	10.6	10.6	10.6	10.6	10.6	T
Kênh Hòa Bình	3.263	25.2	25.2	25.2	25.2	25.2	25.2	25.2	T

Ghi chú: T = Tăng; G = Giảm

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Trong tuần 24 năm 2023 CLN trong HTCTTL Sông Nhuệ có xu thế tăng ô nhiễm do dự báo trên lưu vực không có mưa và mực nước sông Hồng tại đầu cống Liên Mạc giảm ảnh hưởng đến việc lấy nước vào hệ thống.

2. Dự báo chung

Chất lượng nước trong hệ thống CTTL Sông Nhuệ có xu thế tăng ô nhiễm so với tuần trước.

3. Đề xuất

- Cần nghiên cứu triển khai lắp đặt hệ thống TB DC Liên Mạc lấy nước từ sông Hồng để cung cấp cho đoạn thượng lưu sông Nhuệ. Những năm từ 2018-2022 cho thấy việc

mở cống Liên Mạc 1, 2 hệ thống lấy được rất ít nước vào; thường xuyên xuất hiện tình trạng nước sông Nhuệ chảy ngược ra sông Hồng.

- Do thời gian này bắt đầu vào mùa mưa, hệ thống không lấy nước; trực chính sông Nhuệ chủ yếu nhận nước tiêu từ nội đồng do mưa ra nên cần chú ý vận hành các công trình hợp lý để tránh úng ngập cục bộ khi có mưa lớn.

- Dưới hạ lưu mở cống Tắc Giang để tận dụng lấy nước hoặc tiêu nước cho sông Châu; tận dụng triều mở đập Nhật Tựu để lấy nước ngược vào dòng chính sông Nhuệ hoặc tiêu nước ra sông Đáy từ thượng lưu về./.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Lưu Phòng TN&TV QL CLN,MT.